

BÀI 10

CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM THANH TĨNH

(Tĩnh dạ tứ)

NGẪU NHIÊN VIẾT NHÂN BUỔI MỚI VỀ QUÊ

(Hồi hương ngẫu thư)

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM THANH TĨNH

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Thấy được tình cảm quê hương sâu nặng của nhà thơ.
- Thấy được một số đặc điểm nghệ thuật của bài thơ : hình ảnh gần gũi, ngôn ngữ tự nhiên, bình dị, tình cảnh giao hoà.
- Bước đầu nhận biết bố cục thường gặp (2/2) trong một bài thơ tuyệt cú, thủ pháp đối và tác dụng của nó.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Đối với lớp 7 chưa cần cho HS học luật thơ Đường, song về phía GV cần lưu ý trong bốn bài tuyệt cú ở SGK, ba bài thất ngôn đều là thơ Đường luật, còn bài này là *ngũ ngôn*, lại là *cổ thể*. Ở thơ ngũ ngôn Đường luật, thanh của chữ (tiếng) thứ hai và chữ thứ tư trong một câu phải "phân minh" với nghĩa là "phải ngược nhau" ; trong một liên (cặp câu), thanh của chữ thứ hai và chữ thứ tư trong câu trên phải ngược với thanh của chữ tương ứng ở câu dưới.

Tĩnh dạ tứ không thể. Trong câu thứ hai của bài *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh*, chữ thứ hai và thứ tư đều là trắc (*thị, thượng*) ; trong câu thứ ba, chữ thứ hai và thứ tư đều là bằng (*đầu, minh*) ; trong câu thứ ba và thứ tư, cả hai chữ thứ hai đều bằng (*đầu, đầu*).

2. "Vọng nguyệt hoài hương" (Trông trăng nhớ quê) là một chủ đề phổ biến trong thơ cổ, không chỉ ở Trung Quốc mà cả ở Việt Nam. Mở tập *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* (NXB Văn học, Hà Nội, 1978) ta bắt gặp ngay bài *Quỳnh Hải nguyên tiêu* (Đêm rằm tháng giêng ở Quỳnh Hải). Thấy "trăng sáng đầy trời" (*nguyệt mãn thiên*) ở Quỳnh Hải – Thái Bình là Nguyễn Du lập tức nhớ tới cảnh "Ở Hồng Lĩnh – Hà Tĩnh – không có nhà, anh em tan tác" (*Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán*). Sự liên tưởng phổ quát ấy có căn nguyên ở một biểu tượng truyền thống : vầng trăng. Vầng trăng tròn tượng trưng cho sự đoàn tụ. Cho nên, ở xa quê, trăng càng sáng, càng tròn, lại càng nhớ quê. Bản thân hình ảnh vầng trăng cô đơn trên bầu trời cao thẳm trong đêm khuya thanh tĩnh đã đủ gợi lên nỗi sầu xa xứ. Trăng mùa thu, khi không khí đã trở lạnh, lại càng có sức kêu gọi.

Tình cảnh "trông trăng nhớ quê" của Lí Bạch trong bài thơ là hoàn toàn tương đồng với tình cảnh của các nhà thơ lớn khác ở đời Đường khi phải sống tha phương trong cơn li loạn :

Lộ tông kim dạ bạch
Nguyệt thị cố hương minh
(Sương từ đêm nay trắng xóa
Trăng là ánh sáng của quê nhà)

(Đỗ Phủ, *Được thư em Xá*)

Cộng khan minh nguyệt ưng thủy lệ

Nhất phiến hương tâm ngũ xứ đồng

(Xem trăng sáng, có lệ cùng rơi lệ)

Một mảnh tình quê, năm anh em ở năm nơi đều giống nhau)

(Bạch Cư Dị, *Từ Hà Nam trái cơn li loạn...*)

Sống nơi thị thành chan hoà ánh điện, một số người có thể thờ ơ với ánh trăng, ít nhất cũng khó thấy hết vẻ đẹp, ý nghĩa của vầng trăng. Dĩ nhiên ở mỗi thời, với mỗi người, có hăng hà sa số sự vật khách quan gợi nên mối tình quê. Có thể nhắc thêm một vài tình huống cuộc sống cần thiết để tạo nên tâm cảnh thích hợp ở HS trước khi đi vào tác phẩm.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Cho HS đọc phần phiên âm và bản dịch thơ rồi so sánh thể thơ của hai văn bản. Kết luận cần rút ra từ sự so sánh : Cả hai đều là ngũ ngôn tứ tuyệt song ở bản dịch thơ, *câu đầu không gieo vần*. Có thể củng cố kiến thức bằng nhận xét : Thể thơ cũng như cách gieo vần của bản dịch thơ là hoàn toàn giống với thể thơ và cách gieo vần của văn bản *Phò giá về kinh* (Tụng giá hoàn kinh sư).

Hoạt động 2. Kiểm tra việc đọc phần dịch nghĩa của HS. Trong bốn bài thơ tuyệt cú ở cụm thơ Đường, đây là bài đơn giản, dễ hiểu nhất. Cả bài (kể cả đề) chỉ dùng 23 chữ mà thực tế chỉ có 19 chữ (vì có bốn chữ dùng hai lần). Hơn thế, cả 19 chữ đều rất quen thuộc, khi sang tiếng Việt đều trở thành yếu tố Hán Việt (Ví dụ : tĩnh – bình tĩnh, tĩnh mạch, tĩnh tại, tĩnh dương... ; dạ – dạ hội, dạ hương, dạ quang, dạ khúc... ; tứ – thi tứ, ý tứ, lao tâm khổ tứ...). Song đơn giản, dễ hiểu không có nghĩa là thô kệch, nông cạn. Ngôn ngữ thơ ca bao giờ cũng phải tinh luyện : "Trong loại thơ nhìn trăng mà thổ lộ tâm tình nhớ quê, bài có khuôn khổ nhỏ nhất, ngôn từ đơn giản tinh khiết nhất là *Tĩnh dạ tứ* của Lí Bạch, song bài có ma lực lớn nhất, được truyền tụng rộng rãi nhất cũng là bài *Tĩnh dạ tứ* ấy"⁽¹⁾.

Hiểu được nghĩa gốc là điều kiện xuất phát để khám phá ra tài năng tinh luyện ngôn ngữ của tác giả.

(1) Trương Minh Phi, *Phân tích, thưởng thức văn thơ cổ ở các trường THCS*, NXB Bắc Kinh, 1998, tr. 53.

Hoạt động 3. Phân tích quan hệ giữa tình và cảnh trong bài thơ.

– Cho HS chứng minh hai câu đầu không phải là tả cảnh thuần túy, ở đây chủ thể vẫn là con người. Nếu thay chữ "sàng" (giường) bằng chữ "án", "trác" (bàn) thì ý nghĩa câu thơ sẽ khác ngay vì người đọc có thể nghĩ là tác giả đang ngồi đọc sách ! Chữ "sàng" có thể gợi cho người đọc nghĩ một cách có căn cứ rằng nhà thơ đang nằm trên giường. Nằm trên giường mà không ngủ được mới nhìn thấy ánh trăng xuyên qua cửa. Câu thơ cũng sẽ mang hàm nghĩa khác nếu thay chữ "sàng" bằng chữ "đình" (sân). Cứ cho là tác giả đang nằm thì ý nghĩa của "trăng trước sân" vẫn khác "trăng trước giường". Có thể cảm nhận được chỗ tinh tế của việc dùng chữ "sàng" ở đây bằng cách so sánh với một câu thơ nổi tiếng của Ân Thù (991 – 1055) đời Tống :

*Minh nguyệt bất am li hận khổ
Tà quang đảo hiếu xuyên chu hộ.*

(Trăng sáng chẳng am hiểu nỗi khổ hận của cảnh biệt li, Vãn cứ chênh chếch chiếu xuyên mãi vào phòng cho đến sáng.)

Rõ ràng là Ân Thù cũng như Lí Bạch, trong một đêm trăng cực sáng ở chốn tha hương đã trần trọc không ngủ được ; cũng có thể đã ngủ rồi song tỉnh dậy mà không ngủ lại được. Trong tình trạng mơ màng ấy, chữ "nghi" (ngỡ là) và chữ "sương" đã xuất hiện một cách tự nhiên và hợp lí. Trăng sáng quá chuyển thành màu trắng giống như sương là một điều có thật mà trước Lí Bạch mấy trăm năm, nhà thơ Tiêu Cương đã cảm nhận được : "Dạ nguyệt tự thu sương" (Trăng đêm giống như sương thu). Tuy nhiên, ở Tiêu Cương, cảm nhận đó đã hình thành nên phép so sánh để miêu tả, còn ở Lí Bạch, nó lại thể hiện một *khoảnh khắc suy nghĩ* của con người.

Như vậy, ngay trong hai câu đầu, ta đã thấy sự hoạt động nhiều mặt của chủ thể trữ tình : Ánh trăng, dù đẹp đẽ, giàn giụa, vẫn chỉ là đối tượng nhận xét, cảm nghĩ của chủ thể. Trong hai câu đầu ở nguyên văn chỉ có một động từ "nghi" (ngỡ là) nhưng ở bản dịch thơ đã thêm hai động từ nữa là "rơi" và "phủ". Làm thế khiến cho ý vị trữ tình của bài thơ trở nên mờ nhạt và nhiều người nhầm tưởng hai câu đầu là chủ yếu hoặc thuần túy tả cảnh.

– Cũng với phương hướng trên, GV hướng dẫn HS chứng minh hai câu sau không phải là tả tình thuần túy.

Chỉ có ba chữ tả tình trực tiếp : *tư cố hương*, còn lại đều là tả cảnh, tả người : *Vọng minh nguyệt, cử đầu, đê đầu*. Chỗ thú vị là tả cảnh, tả người, song tình người lại được thể hiện rõ, nói khác hơn, ở đây tình người, tình quê hương đã được khách quan hoá, đã hiển hiện thành việc "nhìn trăng sáng", "ngẩng đầu", "cúi đầu".

Câu thơ thứ ba về cơ bản giống như một câu trong bài *Thu ca* của dân ca Nam Triều : *Ngưỡng đầu khán minh nguyệt* (Ngẩng đầu nhìn trăng sáng). "Cử" đồng nghĩa với "ngưỡng", song "vọng" (ngắm, trông xa) thì mang sắc thái biểu cảm rõ nét hơn "khán" (thấy). Điều đáng chú ý hơn là do *văn cảnh* khác nên tác dụng cũng hoàn toàn khác. *Trong thơ tứ tuyệt, câu thứ ba thường có vị trí đặc biệt quan trọng. Ở vị trí bản lề, nó phải nối tiếp ý hai câu trên đồng thời tạo thế để hạ một câu kết thật dứt.* Tài năng của Lí Bạch là đã sử dụng gần như nguyên vẹn một câu thơ dân gian vào đúng chỗ.

– GV có thể hướng dẫn HS phân tích mối quan hệ giữa câu thơ này với hai câu trên và câu kết theo hướng trên để làm rõ các ý sau :

+ Hành động "ngẩng đầu" xuất hiện như một động tác tất yếu để kiểm nghiệm điều mà câu thứ hai đã đặt ra : Vùng sáng trước giường là sương hay trăng ?

+ Ánh mắt của Lí Bạch chuyển từ trong ra ngoài, từ mặt đất lên bầu trời.

+ Từ chỗ chỉ thấy ánh trăng đầu giường đến chỗ thấy cả vầng trăng.

+ Và khi thấy vầng trăng – cũng đơn côi, lạnh lẽo như mình – lập tức lại "cúi đầu", không phải để nhìn một lần nữa "sương trên mặt đất" mà để suy ngẫm về quê hương. "Ngẩng đầu", "cúi đầu", chỉ trong khoảnh khắc đã động mối tình quê, đủ thấy bình thường, tình cảm đó thường trực, sâu nặng biết bao !

+ Với *Tĩnh dạ tứ*, nói "xúc cảnh sinh tình" không đủ. "Tình" vừa là *nhân*, vừa là *quả* : Nhớ quê, thao thức không ngủ, nhìn trăng. Nhìn trăng, lại càng nhớ quê !

Hoạt động 4. Tìm hiểu cách sử dụng *phép đối* trong bài thơ.

– Cho HS so sánh các cụm từ "cử đầu" và "đê đầu", "vọng minh nguyệt" và "tư cố hương". Kết luận cần rút ra : Số lượng chữ của các bộ phận tham gia đối bằng nhau ; cấu trúc ngữ pháp của các bộ phận tham gia đối giống nhau ; từ loại của các chữ tương ứng ở hai vế giống nhau. Nếu cần, có thể lưu ý thêm cho HS biết :

Chỉ trong thơ cổ thể mới có thể dùng "đầu" đối với "đầu", tức đối *trùng thanh, trùng chữ*. Trong thơ Đường luật không thể làm như thế.

– Cho HS dùng kết quả của sự phân tích ở hoạt động 3 để nêu tác dụng của phép đối ở đây trong việc biểu hiện tình cảm quê hương.

"Vọng minh nguyệt", "tư cố hương" thật ra chỉ là sự diễn đạt cụ thể hơn thành ngữ "Vọng nguyệt hoài hương" dùng đã sáo mòn. Sáng tạo của nhà thơ là đã đưa thêm vào hai cụm từ đối nhau, "cử đầu" và "đê đầu", để hình dung cái cách "vọng minh nguyệt" và "tư cố hương" ấy. Ngẩng đầu là hướng ra ngoại cảnh, là để nhìn trăng ; cúi đầu là hoạt động hướng nội, trăn nặng tâm tư.

Hoạt động 5. Chứng minh vai trò liên kết ý thơ của các động từ trong bài thơ.

Bài thơ chỉ 20 chữ mà dùng đến 5 động từ : chỉ sự cảm nghĩ (*nghi, tư*), chỉ hoạt động cơ thể (*vọng, cử, đê*).

– Cho HS tìm chủ ngữ của năm động từ trên và rút ra kết luận cần thiết :

+ Tất cả các chủ ngữ đều bị lược bỏ.

+ Dầu bị lược bỏ, vẫn có thể khẳng định là chỉ có một chủ ngữ duy nhất : từ xưng hô của chủ thể trữ tình. Điều đó tạo nên tính thống nhất, liền mạch của cảm xúc trong bài thơ.

+ Sự thống nhất liền mạch ấy có thể được sơ đồ hoá như sau :

Nghi (thị sương) → *Cử* (đầu) → *Vọng* (minh nguyệt)

←
Đê (đầu) → *Tư* (cố hương)

– Có thể trình bày thêm :

+ Đây cũng là hiện tượng tương đối phổ biến trong thơ nói chung, đặc biệt phổ biến trong thơ cổ phương Đông và một số thể loại văn học dân gian, nhất là tục ngữ.

+ Về mặt ngữ pháp, có thể xem đây là một hình thức rút gọn câu. Như phần Tiếng Việt sẽ chỉ rõ trong Bài 19 – *Rút gọn câu* không chỉ làm câu ngắn gọn hơn, mà còn "ngụ ý hành động, đặc điểm nói trong câu là của chung của mọi người". Trong thơ, người ta thường nói đến chủ ngữ ẩn. Việc lược bỏ chủ ngữ – đặc biệt đại từ xưng hô ngôi thứ nhất số ít – làm cho sức cộng hưởng của thơ tăng lên rất

nhiều. Ở *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* (Tĩnh dạ tứ), ta có thể hiểu chủ thể trữ tình là Lí Bạch, cũng có thể là bất cứ ai khác. Trong điều kiện xã hội tương tự, ở những tình huống tương tự, với quan niệm sống và vốn văn hoá tương tự, thì đều có thể xuất hiện những cảm nghĩ tương tự. Đó chính là tính chất điển hình của những cảm xúc trong thơ trữ tình, yếu tố tạo nên sức cộng hưởng lớn của thơ.

Hoạt động 6. GV hướng dẫn HS luyện tập.

GV có thể có những nhận xét sau :

- Hai câu thơ dịch đã nêu được tương đối đủ ý, tình cảm của bài thơ.
- Song cũng có một số điểm khác :
 - + Lí Bạch không dùng phép so sánh. "Sương" chỉ xuất hiện trong cảm nghĩ của nhà thơ.
 - + Bài thơ ẩn chủ ngữ, không nói rõ là Lí Bạch.
 - + Năm động từ chỉ còn ba. Bài thơ còn cho ta biết tác giả ngắm cảnh như thế nào.